

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/DS-ST
Ngày: 12/6/2024
V/v tranh chấp yêu cầu bồi
thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Đào.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Hoàng Bá;

Bà Lê Bảo Ngân.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thạch - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Khổng Phúc Vĩnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Cao Mộng T, sinh năm 1986. Có mặt.

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Đinh Văn T1, sinh năm 1986. Có mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Huỳnh E, sinh năm 1989. Có mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Cao Mộng T trình bày và yêu cầu: Ông là chủ sử dụng thửa đất số 95, tờ bản đồ số 06, diện tích 7.481m², loại đất LUA, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. Nguồn gốc đất là ông nhận chuyển nhượng lại và tiếp tục cho bị đơn ông Đinh Văn T1 thuê từ năm 2021 để trồng lúa với giá 16.000.000đ/ 1 năm, mọi giao dịch cho thuê đất với ông T1 thì không làm giấy tờ gì chỉ nói miệng và ông đều nhờ ông E đứng ra thu hộ tiền thuê. Tuy nhiên, vụ lúa 2023- 2024 thì ông có lên giá 20.000.000 đồng nhưng ông T1 không đồng ý thuê nhưng lại tự ý xạ lúa xuống đất gây thiệt hại cho ông phải bồi thường cho ông Trương Huỳnh E số tiền 60.000.000đ (trong đó, tiền cho thuê đất 30.000.000đ, tiền bồi thường 30.000.000đ) vì ngày 04/12/2023 ông đã ký hợp đồng cho ông E thuê đất để trồng dưa hấu, việc thuê có lập hợp đồng bằng giấy viết tay giá thuê là 30.000.000đ. Sự việc được đưa ra địa phương giải quyết nhưng không thành. Sau đó, vài ngày thì ông T1 đã bàn giao đất lại cho ông nên giữa tôi và ông T1 không tranh chấp gì liên quan đến đất đai. Ông chỉ tranh chấp về hành vi ông T1 tự ý xạ lúa xuống đất khi chưa thỏa thuận được việc thuê đất trong khoảng thời gian hơn 01 tháng đó dẫn đến ông phải bồi thường thiệt hại cho ông E.

Nay ông khởi kiện yêu cầu buộc ông T1 phải bồi thường thiệt hại tài sản cho ông số tiền 60.000.000đ mà trước đó tôi đã bồi thường cho ông E. Đối với việc ông bồi thường cho ông E là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên, đã bồi thường xong không tranh chấp gì nên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Đinh Văn T1 trình bày: Ông canh tác lúa giáp ranh đất tại thửa số 95 của ông T, phần đất này ông đã thuê hơn 10 năm nay từ chủ đất cũ đến năm 2022 thì chủ đất cũ chuyển nhượng đất qua ông T và tiếp tục cho thuê sử dụng, việc thuê đều chỉ nói miệng không có làm hợp đồng thuê tất cả đều chỉ do ông Trương Huỳnh E trực tiếp giao dịch với ông. Cũng như hàng năm tới vụ lúa thì ông cho tiến hành xạ lúa còn ông E thì tới thu tiền thuê. Tuy nhiên vào vụ lúa năm 2023 khi ông xạ lúa được khoảng 10 ngày thì chủ đất tự ý tăng tiền thuê đất lên 20.000.000đ/1 năm mà không có thông báo trước đó. Trong khi mỗi năm trước đó chỉ là 16.000.000đ/1 năm nên từ ngày 08/11/2023 đến ngày 19/12/2023 (18 ngày) giữa ông và ông E có nhắn tin điện thoại và cả gặp mặt để thỏa thuận giá thuê nhưng không đi đến thống nhất. Sau khi sự việc được hòa giải ở địa phương không thành thì vài ngày sau ông đã tự giác tiến hành phun thuốc diệt lúa để trả lại toàn bộ phần đất thuê cho ông T. Việc ông T và ông E cấu kết tự dựng lên với nhau thỏa

thuận cho thuê đất và bồi thường cho nhau 60.000.000đ thì ông không hay biết đến khi lên hòa giải ở địa phương thì ông mới biết vì họ yêu cầu ông bồi thường lại số tiền 60.000.000đ. Theo ông thì việc thuê đất trồng dưa hấu không có sự thật vì không thể tiến hành làm được trong khi phải sử dụng nguồn nước dẫn từ đất ông thì phải xin ý kiến đồng ý của ông mới có đường nước dẫn tưới.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý bồi thường 60.000.000đ vì ông không gây thiệt hại gì cho nguyên đơn, nguyên đơn tự dựng lên câu chuyện để ép ông bồi thường tiền là không đúng. Đồng thời, số tiền 60.000.000đ nguyên đơn và ông E tự thỏa thuận với nhau không liên quan gì đến ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Huỳnh E trình bày: Ông thống nhất toàn bộ lời khai của nguyên đơn ông T là đúng. Giữa ông và ông T có mối quan hệ anh em quen biết từ trước, việc cho bị đơn ông T2 thuê đất canh tác lúa thì ông là người trực tiếp giao dịch thu tiền thuê thay cho ông T. Theo như đoạn tin nhắn và điện thoại qua lại giữa ông và ông T1 diễn ra từ ngày 08/11/2023 kéo dài đến ngày 19/12/2023 thì giữa tôi và ông T1 có thỏa thuận với nhau về giá cả thuê đất nhưng không đi đến thống nhất. Cụ thể, ông T1 đòi thuê theo vụ là 10.000.000đ/1vụ hoặc 16.000.000đ/1 năm nhưng ông T không đồng ý và yêu cầu cho thuê là 20.000.000đ/1 năm. Do ngày 08/11/2023 hai bên không thống nhất việc thỏa thuận thuê đất với nhau nên ngày 04/12/2023 ông đã thuê đất của ông T để trồng dưa hấu việc thuê có lập hợp đồng bằng giấy viết tay giá thuê là 30.000.000đ. Đến ngày 18/12/2023 ông ra coi đất thì mới biết việc ông T1 đã xạ lúa xuống đất nên không thể trồng dưa hấu được. Do đó, giữa ông và T đã tự thỏa thuận với nhau việc ông T sẽ trả lại tiền thuê và bồi thường cho ông 60.000.000đ nên giữa ông và ông T đã giải quyết xong, không có tranh chấp nên không yêu cầu gì trong vụ án này. Thời điểm ông và ông T1 đang thỏa thuận giá thuê đất thì ông không biết ông T1 đã xạ lúa xuống đất được hơn 10 ngày. Đến ngày 18/12/2023 khi biết sự việc thì ông có báo cho ông T nên các bên mới phát sinh tranh chấp đưa ra UBND xã T đã giải quyết.

Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan ông E xác định không yêu cầu hay tranh chấp gì với ông T1 trong vụ án này và cũng không tranh chấp gì với ông T vì đã nhận đủ tiền bồi thường xong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án thì căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở. Đề nghị tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn 2.000.000đ. Không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn bồi thường số tiền 58.000.000 đồng cho nguyên đơn vì không có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Cao Mộng T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đinh Văn T1 bồi thường thiệt hại 60.000.000đ nên xác định đây là vụ án dân sự có quan hệ pháp luật là “tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”. Bị đơn ông Đinh Văn T1 có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại 60.000.000đ do hợp đồng giữa nguyên đơn và ông Trương Huỳnh E không thực hiện được là chưa có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Bồi lẽ;

[2.1] Về tài sản thiệt hại: Tài sản thiệt hại trong vụ án này là không có xảy ra vì thửa đất số 95 là đất trồng lúa. Thời điểm tranh chấp hòa giải tại cơ sở không thành thì bị đơn ông T1 đã tiến hành phun thuốc triệt lúa để giao trả lại toàn bộ phần đất thửa số 95 cho ông T. Sự việc này ông T cũng đã xác nhận đã nhận lại đất nên cũng không có yêu cầu ông T1 phải bồi thường gì đối với phần đất.

[2.2] Về hành vi gây thiệt hại: Từ ngày 08/11/2023 kéo dài đến ngày 19/12/2023 (18 ngày) thì giữa ông T1 và ông E có thỏa thuận với nhau về giá cả thuê đất nhưng chưa đi đến thống nhất thì ông T1 đã cho xạ lúa xuống đất để kịp

vụ mùa trước đó 10 ngày. Khi ông T không đồng ý cho ông thuê đất và bị chính quyền địa phương xuống lập biên bản vào ngày 18/01/2024 thì ông T1 đã phun thuốc cho lúa chết để trả lại đất cho ông T. Như vậy, tổng thời gian ông T1 sử dụng đất chỉ khoảng 01 tháng và còn nằm trong thời gian ông T1 và ông E thỏa thuận giá thuê (vì ông E là người trực tiếp giao dịch với ông T1 cho thuê đất thông qua sự đồng ý của ông T) nên ông T không bị ảnh hưởng thiệt hại gì nhiều đến việc cho thuê đất từ hành vi xạ lúa xuống đất của ông T1. Mặt khác, ông E nói thuê đất của ông T để trồng dưa hấu nhưng chưa từng xuống đất đầu tư tiền để cải tạo đất hay bỏ ra công sức nào để canh tác, cũng chưa có bất kì biên bản nào được chính quyền địa phương lập ghi nhận hay chứng cứ nào chứng minh ông E có thiệt hại xảy ra nên việc ông T bồi thường tiền cho ông E là vấn đề giữa ông T và ông E đây là một giao dịch dân sự độc lập khác không có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi xâm phạm của ông T1 là không liên quan gì đến nhau nên việc gắn ghép vào để buộc ông T1 bồi thường thiệt hại này là không có cơ sở. Hơn nữa, ông T cho rằng việc ông và ông E tự thỏa thuận cho thuê đất và tự thỏa thuận bồi thường hợp đồng cho thuê đất là quyền cá nhân nên ông không có nghĩa vụ phải cho ông T1 biết. Vấn đề này Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày này của ông T là mâu thuẫn với hành động ông đang làm. Bởi lẽ, ông T cho rằng việc ông bồi thường cho ông E không liên quan gì đến ông T1 vậy ông khởi kiện ông T1 yêu cầu bồi thường số tiền mà ông đã bồi thường cho ông E để làm gì?. Qua đối chiếu với quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì phải có mối qua hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi xâm phạm. Thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi xâm phạm và ngược lại hành vi xâm phạm là nguyên nhân gây ra thiệt hại và quy định tại Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015 Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm bao gồm:

1. Tài sản bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hỏng;
2. Lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản bị mất, bị giảm sút;
3. Chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại;
4. Thiệt hại khác do luật quy định.

Trong vụ án này chưa thể hiện rõ hành vi xâm phạm của ông T1 đối với phần đất và tài sản trên đất của ông T vì khi không thỏa thuận được giá thuê ông T1 đã tự nguyện phun thuốc diệt lúa để giao trả lại đất cho ông T điều này cũng được ông

T xác nhận đúng ông đã nhận lại đất và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì liên quan đến đất và tài sản trên đất. Đồng thời, ông Trương Huỳnh E cũng chưa có bất kỳ động thái nào sử dụng đất hay bỏ tiền đầu tư để thực hiện canh tác thì làm gì có việc thiệt hại xảy ra nên yêu cầu bồi thường 60.000.000đ của nguyên đơn là không đủ cơ sở xem xét.

[3] Từ những nhận định phân tích tại các mục [2.1], [2.2] nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cần buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn 2.000.000đ vì đã sử dụng đất nguyên đơn trong thời gian khoảng hơn 01 tháng (được tính cụ thể như sau: giá thuê đất 20.000.000đ/1năm tức tương đương 1.666.000đ/1tháng). Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền còn lại 58.000.000đ vì không có cơ sở do không có thiệt hại xảy ra.

[4] Đối với số tiền 60.000.000đ mà ông Cao Mộng T tự nguyện bồi thường cho ông Trương Huỳnh E thì đây là sự tự nguyện thỏa thuận trong giao dịch dân sự của hai bên và cả hai cũng xác định không có phát sinh tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề này trong vụ án.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 2.000.000đ phải bồi thường cho nguyên đơn. Đối với nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 58.000.000đ yêu cầu bị đơn bồi thường không được chấp nhận.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 68, 91, 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 2 của Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Mộng T đối với bị đơn ông Đinh Văn T1.

1. Buộc ông Đinh Văn T1 có trách nhiệm bồi thường cho ông Cao Mộng T số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả tiền thì còn phải trả lãi suất phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Mộng T đối với bị đơn ông Đinh Văn T1 về việc yêu cầu bị đơn ông T1 phải bồi thường số tiền 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng) cho nguyên đơn ông T vì không có cơ sở.

3. Về án phí: Bị đơn ông Đinh Văn T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Cao Mộng T phải chịu 1.450.000 đồng (một triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Sau khi khấu trừ số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng thì ông Cao Mộng T được nhận lại số tiền còn dư là 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006900 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Ánh Đào

